TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **365**/2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2022/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Đinh Thái S**; sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; Nơi ở: VT10-BT11, khu đô thị X, phường P, quận H, thành phố H.

- Chị **Phan Thùy L**; sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Số nhà 02, tổ 1 phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ; Nơi công tác hiện nay: Số 101, ngõ 55 đường H, phường N, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Đinh Thái S và chị Phan Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 24/7/2017 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 39. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Anh Đinh Thái S và chị Phan Thùy L thống nhất yêu cầu Tòa án nhân dân quận B, thành phố H công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/5/2022 tại Tòa án nhân dân quận B là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Đinh Thái S và chị Phan Thùy L xác nhận anh chị có 01 con chung là Đinh Thái L-sinh ngày 08/11/2019. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Chị Phan Thùy L tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Thái S và chị Phan Thùy L.

- Về con chung: Anh Đinh Thái S và chị Phan Thùy L xác nhận có 01 con chung là Đinh Thái L-sinh ngày 08/11/20219. Giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 05 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đinh Thái S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phan Thùy L tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0068315 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ba Đình;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung

Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN……[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../……/QĐST-HNGĐ[2]	*……, ngày ….. tháng …. năm ……*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Căn cứ[3]…… Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ[4]…….. Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số…../…../TLST-HNGĐ[5] ngày ….tháng …..năm….. về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[6]……

……

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[7]……

……

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[8]

[1]……

……

[2]……

……

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ……

……

- Về con chung: ……

……

- Về tài sản chung: ……

……

- Về các vấn đề khác:……

……

2. Về lệ phí Tòa án: ……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].